

CHƯƠNG III

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Người biên soạn: TS Nguyễn Văn Ngọc



IV. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1/ Khái niệm, cấu trúc hình thái kinh tế – xã hội.

Phạm trù HTKT – XH dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu QHSX đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của LLSX và với một KTTT tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

2/ Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

Tính chất lịch sử - tự nhiên được hiểu là:

+ Xã hội phát triển tuân theo các qui luật khách quan như: Qui luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Qui luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng.





+ Nguồn gốc sâu xa của quá trình phát triển lịch sử tự nhiên của xã hội chính là sự phát triển khách quan của lực lượng sản xuất.



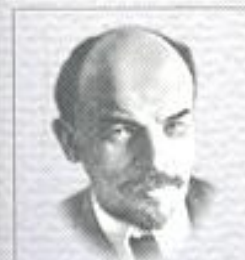
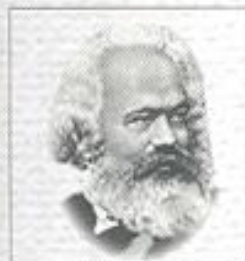
+ Sự phát triển của lịch sử loài người, có thể do sự tác động của nhiều nhân tố chủ quan...



3/ Giá trị khoa học của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội.

Cung cấp một phương pháp luận chung nhất để nghiên cứu về lĩnh vực xã hội.

PGS, TS NGUYỄN BÁ DƯƠNG



CỘI NGUỒN VÀ SỨ MỆNH CỦA **HỌC THUYẾT MÁC** (Sách chuyên khảo)



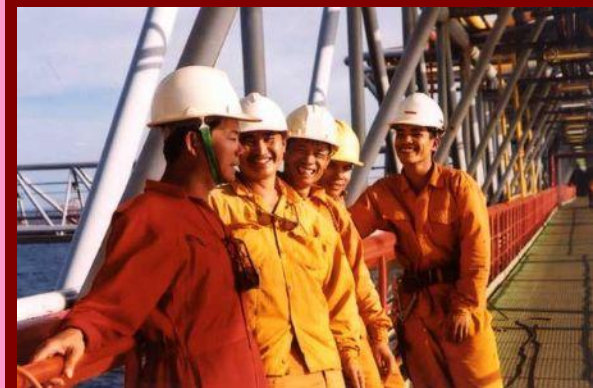
NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

V/ VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

i có đối kháng giai
cấp.

a/ Giai cấp là gì?

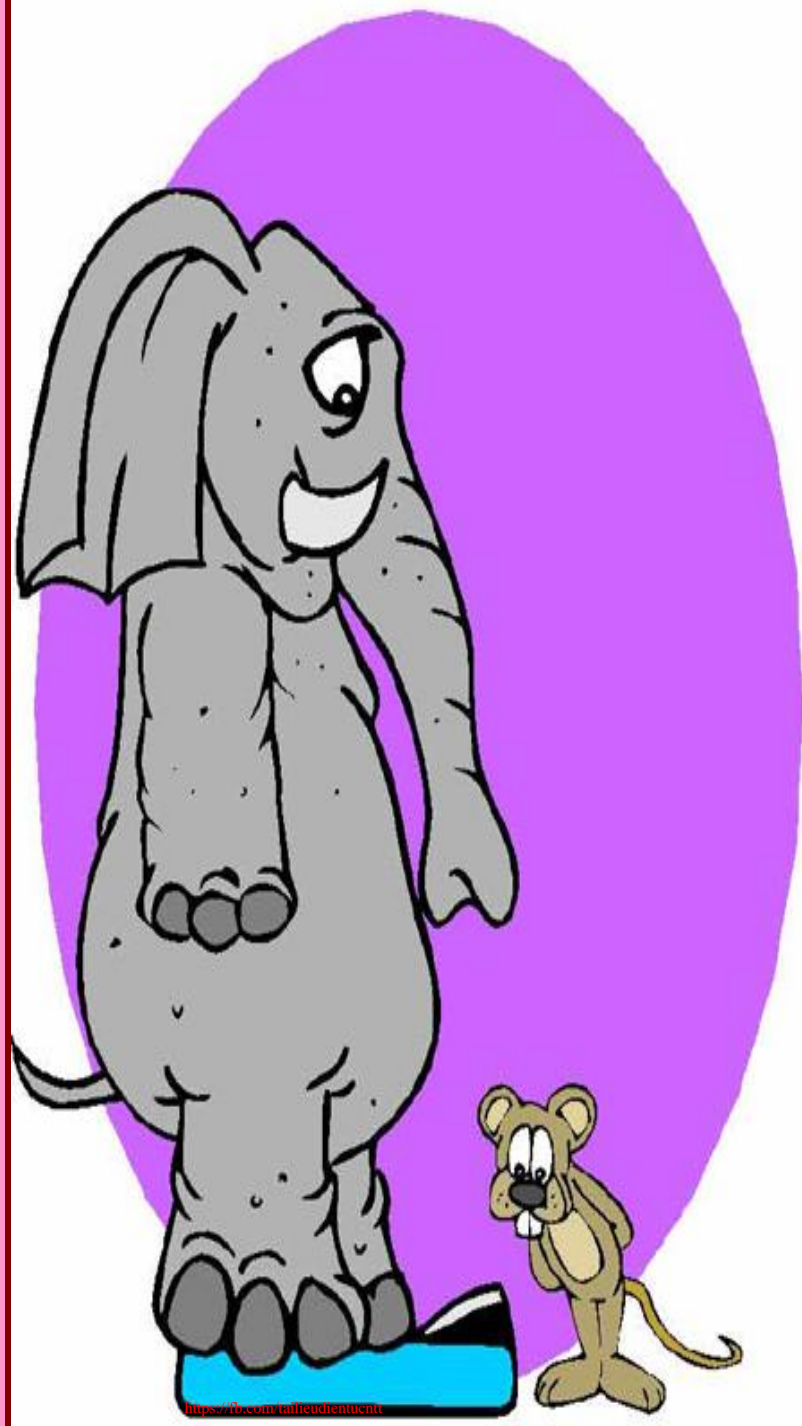
Lênin trong tác phẩm Sáng
kiến vĩ đại (1919) đã đưa ra định
nghĩa:

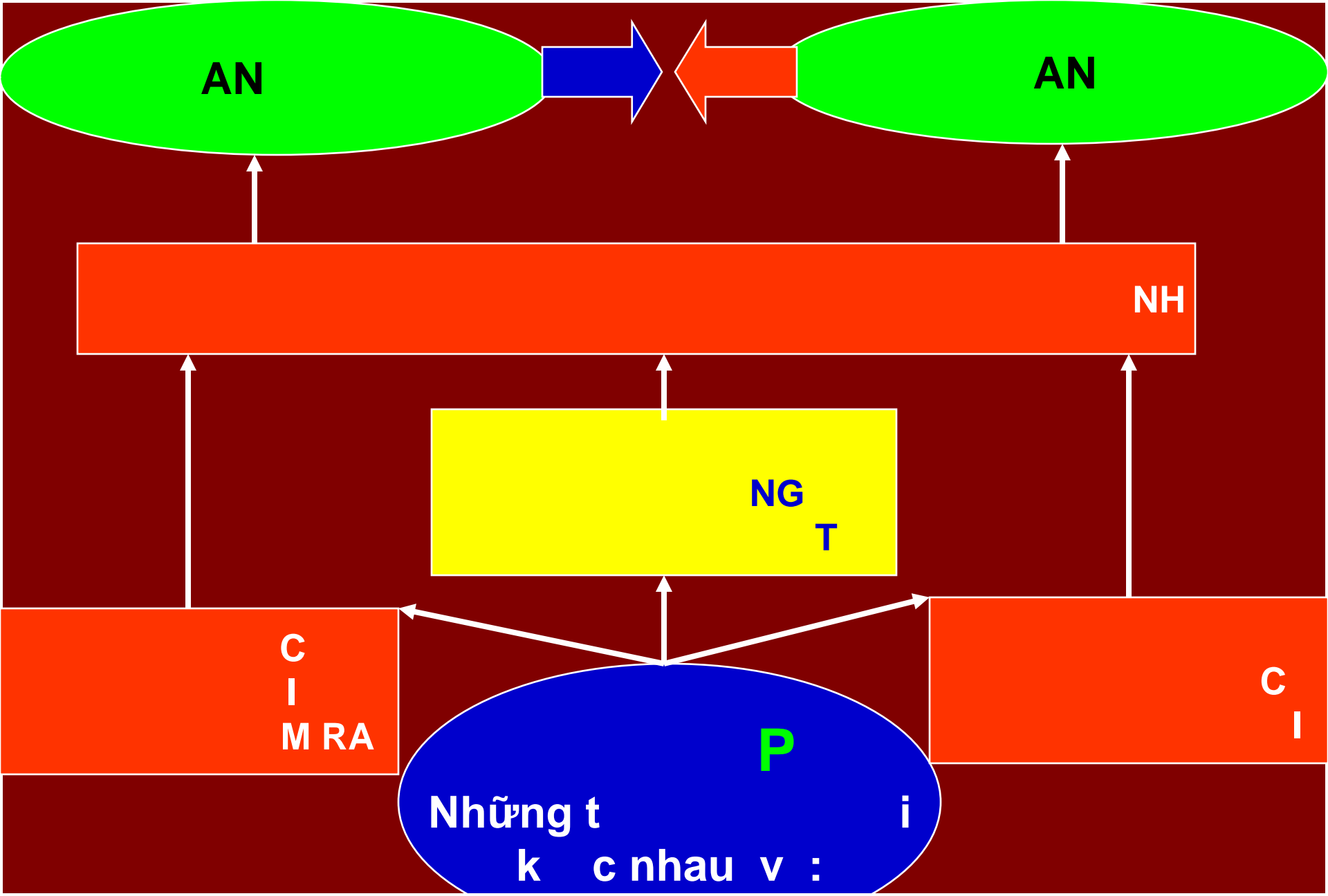


“Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận), đối với những tư liệu sản xuất,



(kh c nhau) về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế đ kinh tế xã hội nhất định”.





ĐỊNH NGHĨA GIAI CẤP CỦA LÊNIN



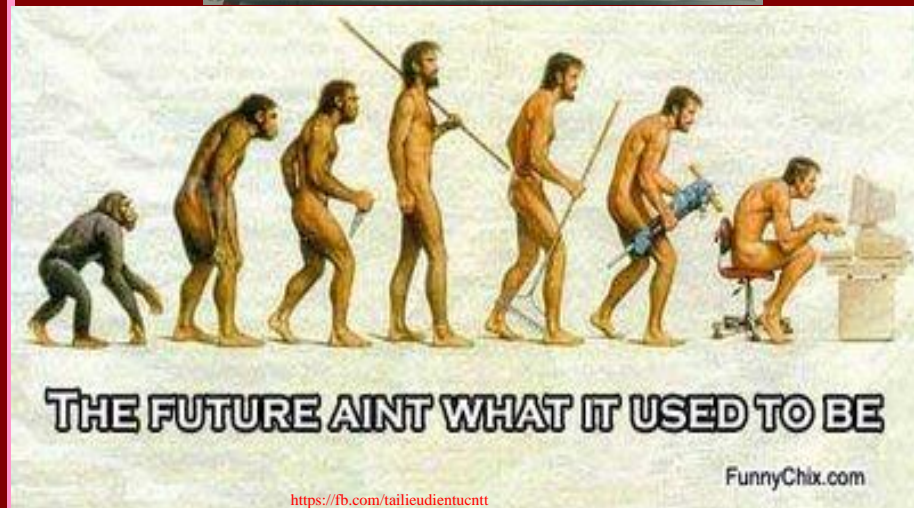
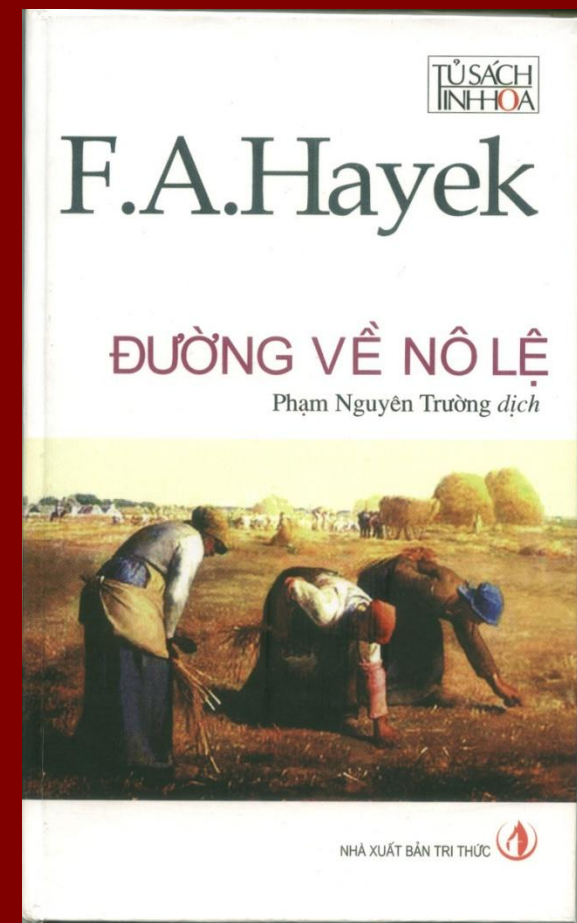
b/ Nguồn gốc giai cấp:

+ Nguồn gốc trực tiếp: sự ra đời và tồn tại của chế độ chiến hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

+ Nguyên nhân gián tiếp: sự

chưa đạt tới trình độ xã hội hóa cao.

Giai cấp chỉ là một phạm trù lịch sử.





c/ V a đ p
đối với s vận động,
đối kháng p.

Đấu tranh giai cấp?

Lênin Đấu tranh giai cấp là “cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám, cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản.”

Trong cuộc đấu tranh giai cấp, giai cấp thống trị dùng nhà nước và bộ máy bạo lực đàn áp những người chống lại mình, bảo vệ quyền lợi của chúng. Giai cấp bị trị cũng tổ chức lại thành lực lượng và chủ yếu là dùng bạo lực quật lại giai cấp thống trị, thực hiện cuộc cách mạng xã hội.

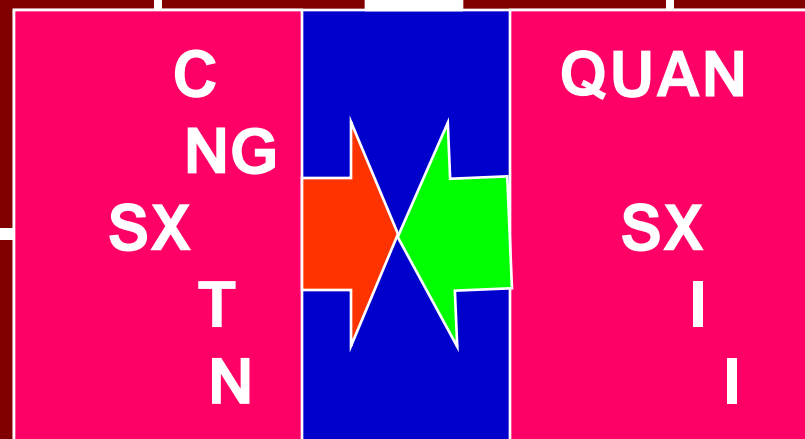
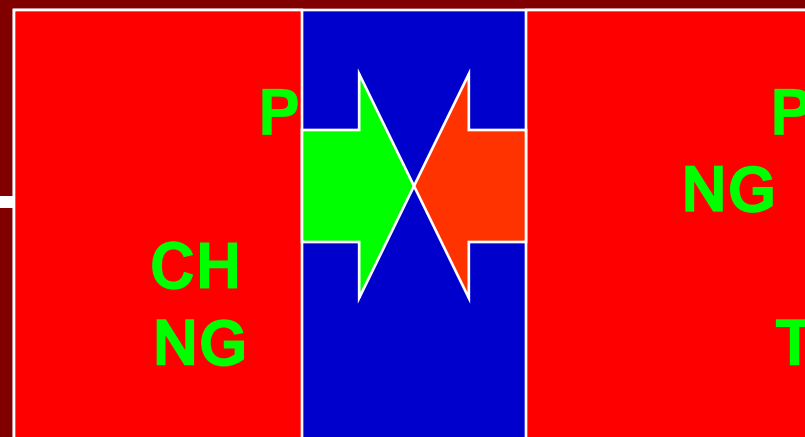
Vấn đề giành chính quyền là vấn đề trung tâm và cơ bản của các cuộc đấu tranh giai cấp.



NGUYÊN
NHÂN
U
TRANH
GIAI
P

NGUYÊN
NHÂN
P

NGUYÊN
NHÂN
P



Đấu tranh giai cấp giữ vai trò là một trong những động lực phát triển quan trọng của các xã hội có giai cấp.

Trong các xã hội có giai cấp đối kháng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất cũ biểu hiện ra bề mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và

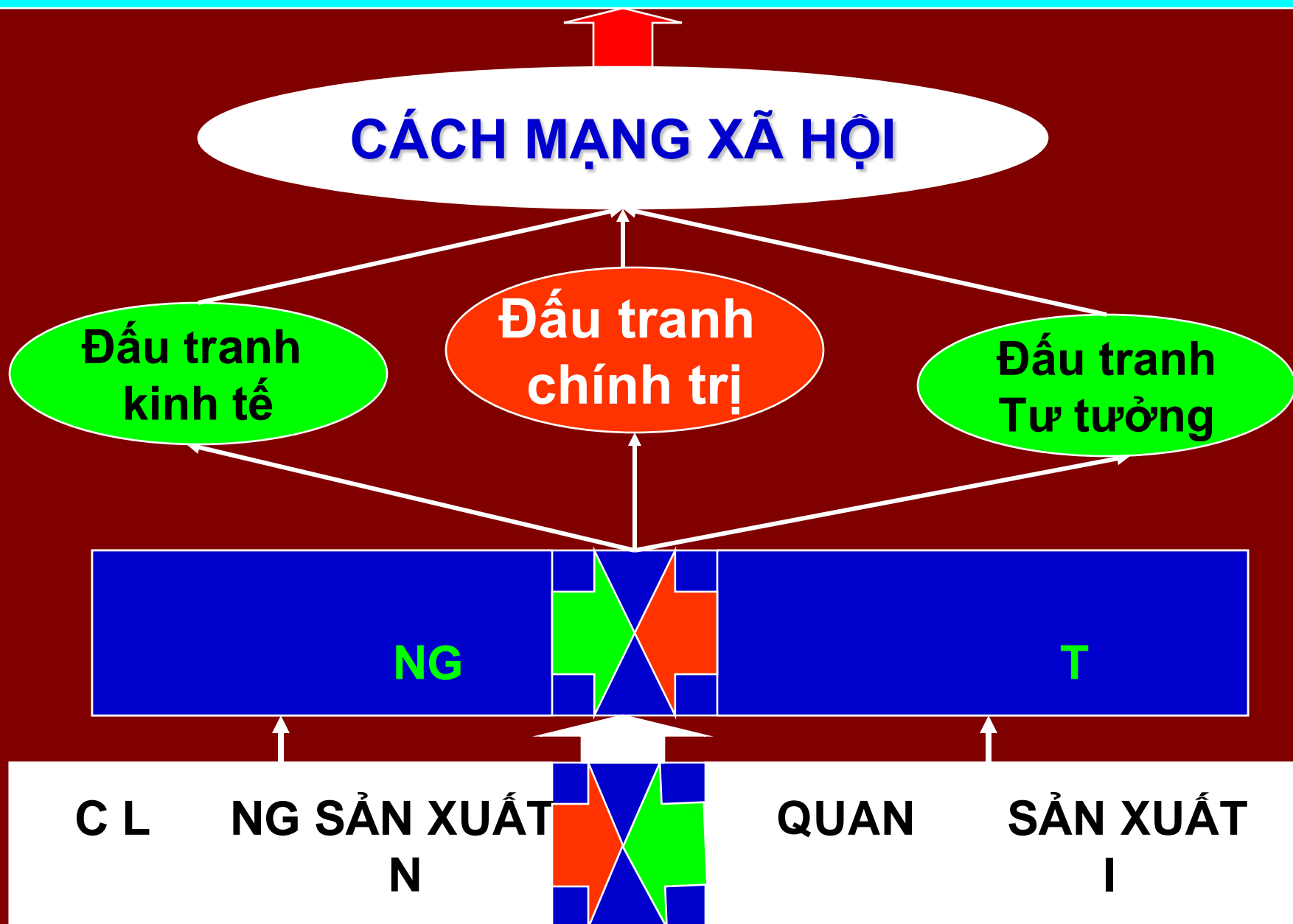
. Giai cấp thống trị bằng mọi cách giữ lấy quan hệ sản xuất cũ. Còn , những người tiến bộ phải lật đổ giai cấp thống trị bằng bạo lực cách mạng, xóa quan hệ sản xuất cũ, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Cuộc đấu tranh giai cấp sẽ:

- + Làm thay đổi phương thức sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển.
- + Cải tạo chính bản thân giai cấp cách mạng và quần chúng lao động.
- + Là động lực phát triển các mặt của đời sống xã hội.

Vì những lý do trên chúng ta có thể kết luận “Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển quan trọng của các xã hội có giai cấp”.

XÃ HỘI CŨ NHƯỜNG CHỖ CHO XÃ HỘI MỚI TIẾN BỘ HƠN



ĐTGC – một trong những động lực phát triển XH có giai cấp

i có đối kháng giai cấp

a/ Khái niệm cách mạng xã hội và nguyên nhân của nó.

Theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội là sự biến đổi có tính bước ngoặt và căn bản về chất trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế – xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế – xã hội cao hơn.



Theo nghĩa hẹp, CMXH là việc lật đổ một chế độ chính trị đã lỗi thời và thiết lập một chế độ chính trị tiến bộ hơn của giai cấp cách mạng.

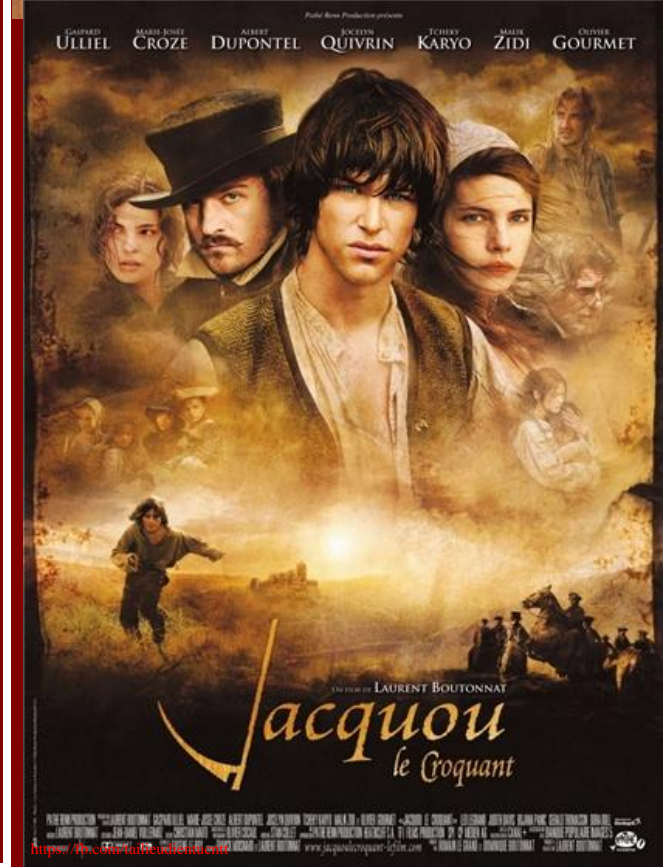
Vấn đề cơ bản của mọi cuộc CMXH là giành chính quyền và sau đó là xây dựng chính quyền mới, xã hội mới.



Nguyên nhân cách mạng xã hội.

Đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất lỗi thời. Trong xã hội có giai cấp mâu thuẫn này biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng.

Đấu tranh giai cấp phát triển tới mức gay gắt chuyển thành cách mạng xã hội nhằm xóa bỏ xã hội cũ hình thành xã hội mới tiến bộ hơn.



CÁCH MẠNG XÃ HỘI NỎ RA

CUỘC ĐẤU TRANH CỦA
NHỮNG NGƯỜI BỊ TRỊ
CHỐNG LẠI
GIAI CẤP THỐNG TRỊ

CÁCH
MẠNG
LẦN
NHẤT

CHNL
Chủ nô
Nô lệ

PK
Địa chủ
Nông dân

TBCN
Tư sản
Vô sản

CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VỀ TLSX

CÁCH
MẠNG
VÔ
SẢN

Sự mâu thuẫn giữa LLSX phát triển và QHSX lỗi thời



b/ Vai trò cách mạng xã hội.

Cách mạng xã hội đóng vai trò đầu tàu của lịch sử. Chỉ có cách mạng xã hội mới thay thế được quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới, tiến bộ, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; thay thế hình thái kinh tế – xã hội cũ bằng hình thái kinh tế – xã hội mới cao hơn.

Trong lịch sử
đã từng có bốn
cuộc cách
mạng xã hội
sau đây:



+ TỰ PHÁT
+ XUẤT HIỆN
NHÀ NƯỚC
+ PHÂN
CÔNG
LAO ĐỘNG
PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT

CMXH 1

XH
CSNT

CM TỰ PHÁT
TỪ NHU CẦU
VẬT CHẤT

+ TỰ PHÁT
VÌ SỰ
PHÂN CHIA
GIỮA
CHỦ NÔ
VÀ
ĐIỀN CHỦ
KHÔNG
RÕ RÀNG

CMXH 2

XH
CHNL

CM TỰ PHÁT
CHỦ NÔ TIẾN BỘ
LÃNH ĐẠO

+ CMXH
ĐIỀN HÌNH
TÍNH
GIAI CẤP
RÕ RỆT

CMXH 3

XH
TB

CM TỰ SẢN
GIAI CẤP TỰ SẢN
LÃNH ĐẠO

+ CMVS
LÀ
TRIỆT ĐỂ
NHẤT
VÌ
XÓA TẬN
GỐC SỰ
BẤT CÔNG

CMXH 4

XH
CSVM

CM VÔ SẢN
GIAI CẤP VÔ SẢN
LÃNH ĐẠO

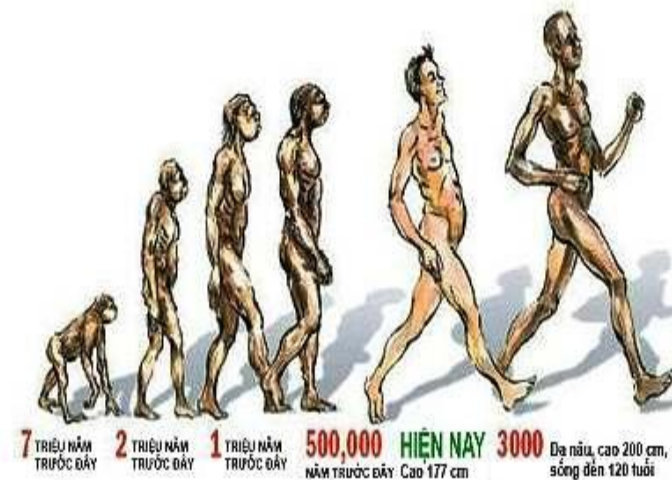


VI/ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1/ Con người và bản chất của con người

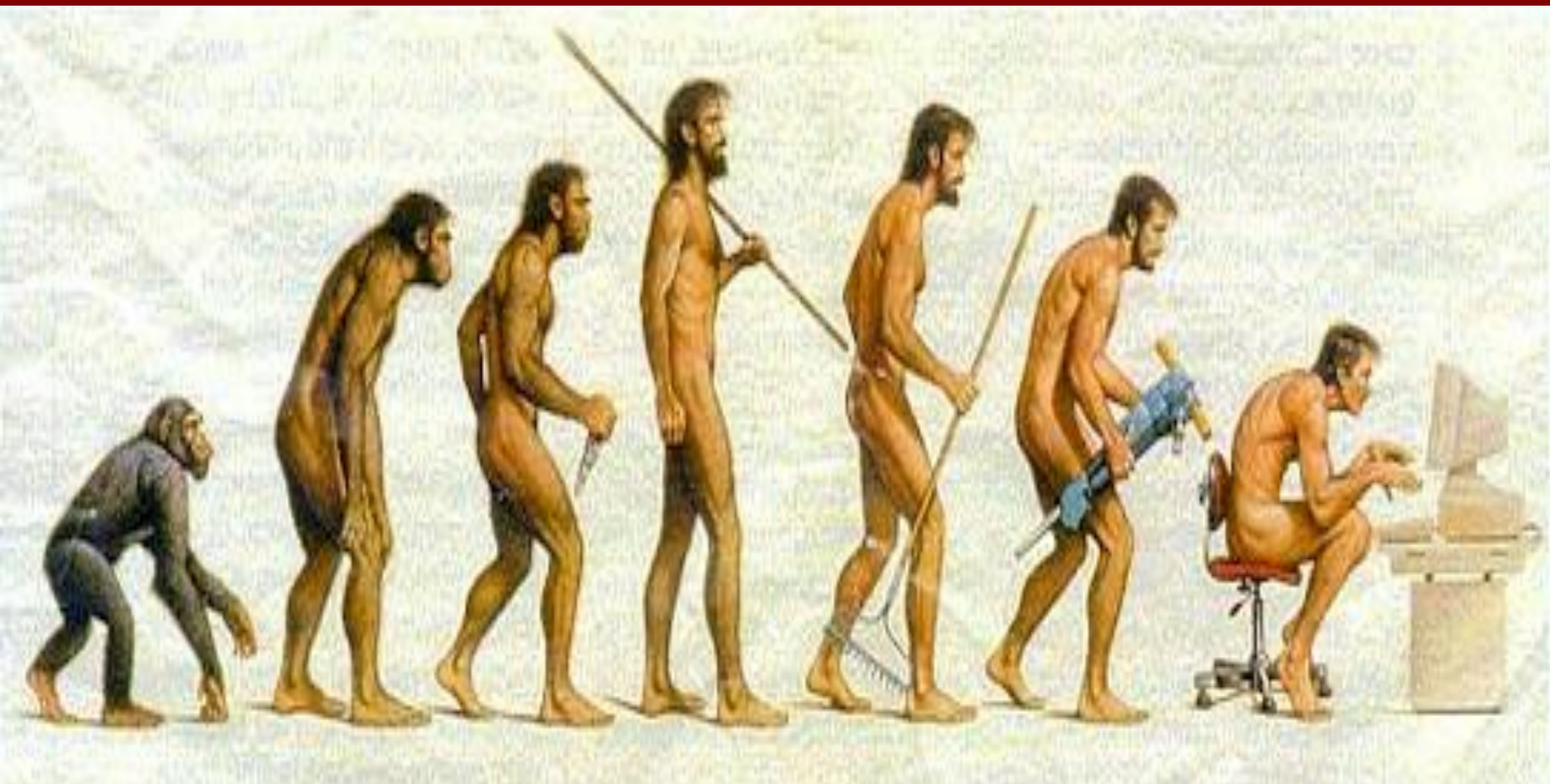
a/ Khái niệm con người

i; có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội.



Quá trình tiến hóa của con người

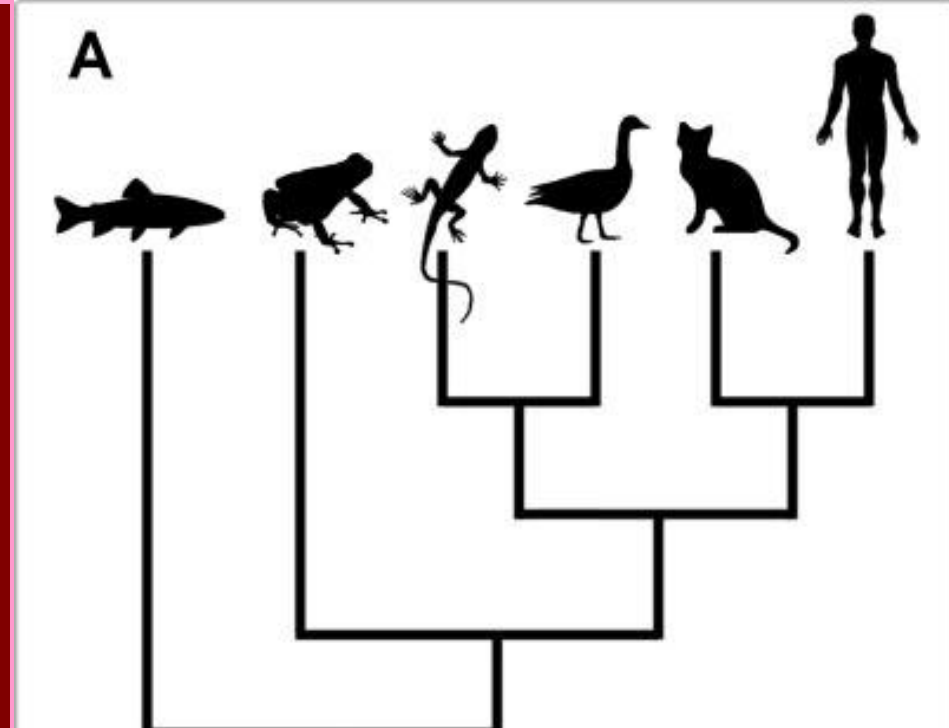
Trước hết, con người là một động vật cao cấp nhất, mang bản tính tự nhiên. Mặt khác, con người là một thực thể xã hội mang bản tính xã hội.



+ Bản tính tự nhiên được nhìn nhận ở hai góc độ sau:

- Con người là kết quả tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên.

- Con người là một bộ phận của giới tự nhiên và đồng thời giới tự nhiên cũng “là thân thể vô cơ của con người”



+ Bản tính xã hội được nhìn nhận ở hai góc độ sau:

- Thông qua lao động mà con người trở thành con người xã hội.

- Con người chịu sự chi phối bởi các nhân tố xã hội và quy luật xã hội.



b/ Bản chất con người

C.Mác: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”





Luận đề trên được hiểu là:

+ Không có con người trừu tượng, thoát ly mọi điều kiện lịch sử cụ thể, con người luôn luôn cụ thể, xác định, sống trong một điều kiện lịch sử nhất định, một thời đại nhất định.

+ Con người trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội sẽ bộc lộ toàn bộ bản chất xã hội của mình.

+ Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử. Lịch sử sáng tạo ra con người trong chừng mực nào thì con người cũng lại sáng tạo ra lịch sử trong chừng mực đó.



BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Con người là
một thực thể thống nhất
giữa mặt sinh vật
với mặt xã hội.

Bản chất con người là
tổng hoà
những quan hệ xã hội

Con người là chủ thể
và là sản phẩm
của lịch sử.

Bản
chất
người
Có
thể
biến
đổi

QUY LUẬT
TỰ NHIÊN

QUY LUẬT
TÂM LÝ - Ý THỨC

QUY LUẬT
XÃ HỘI



Từ việc nghiên cứu
trên có thể rút ra ý
nghĩa phương
pháp luận sau:

i là yếu tố quyết
định.



i.

i ràng buộc khả năng sáng tạo của con người.



2/ Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

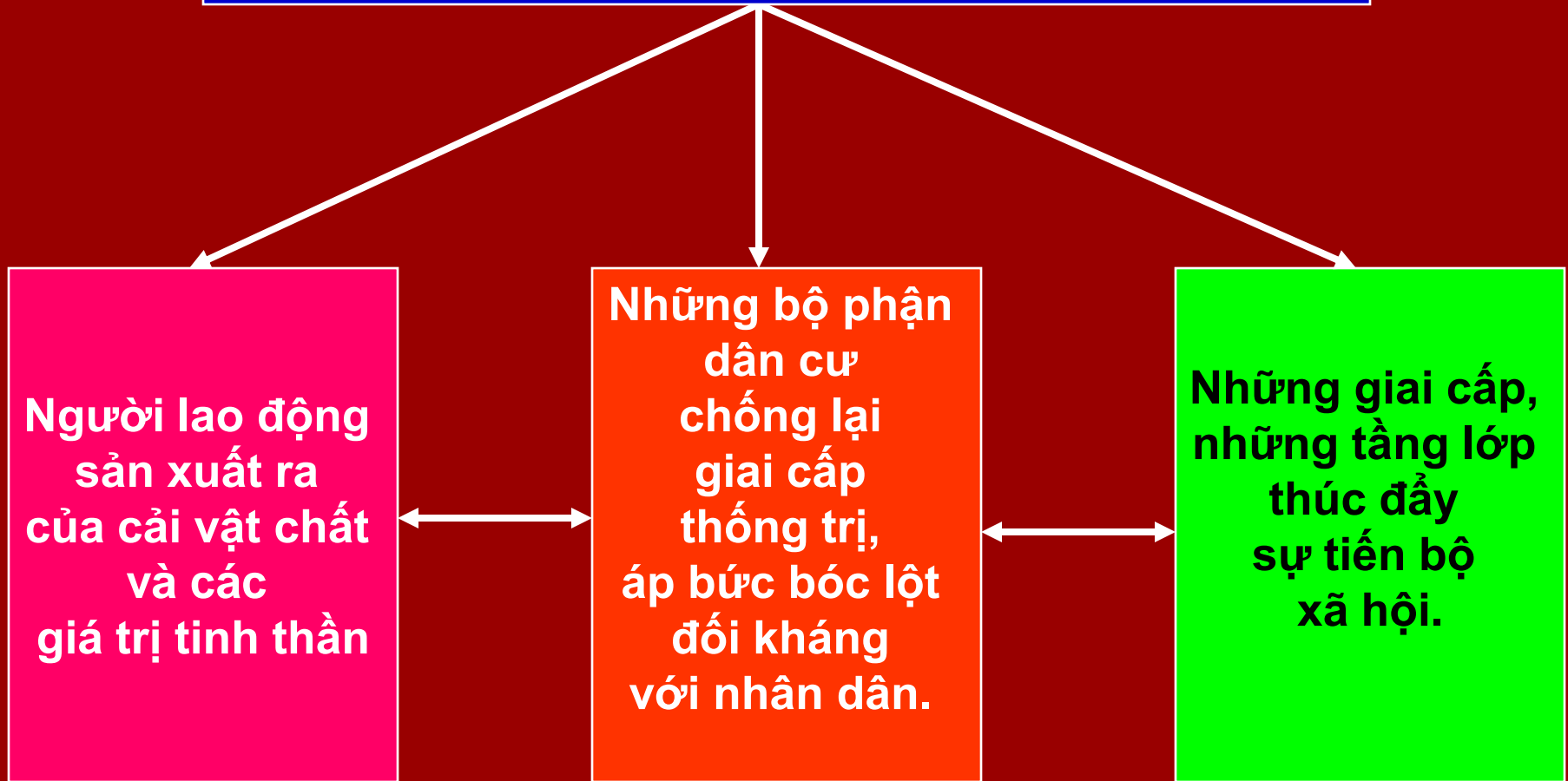
a/ Khái niệm quần chúng nhân dân.

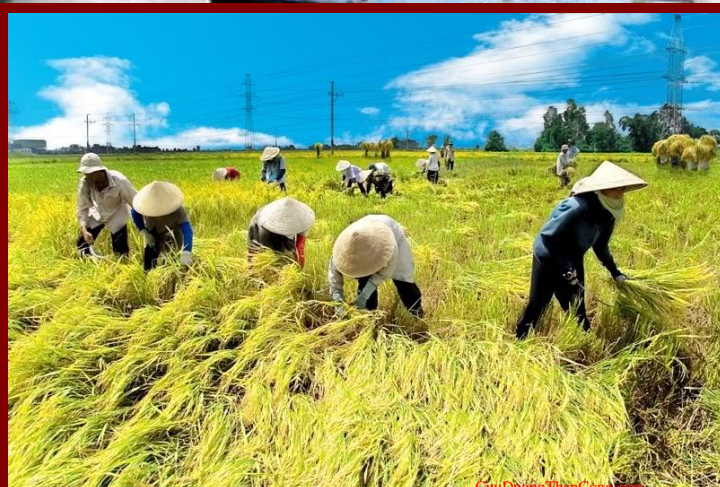
Là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định.



群众人民

(qún zhōng rén mín)





b/ Vai trò sáng tạo của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử.

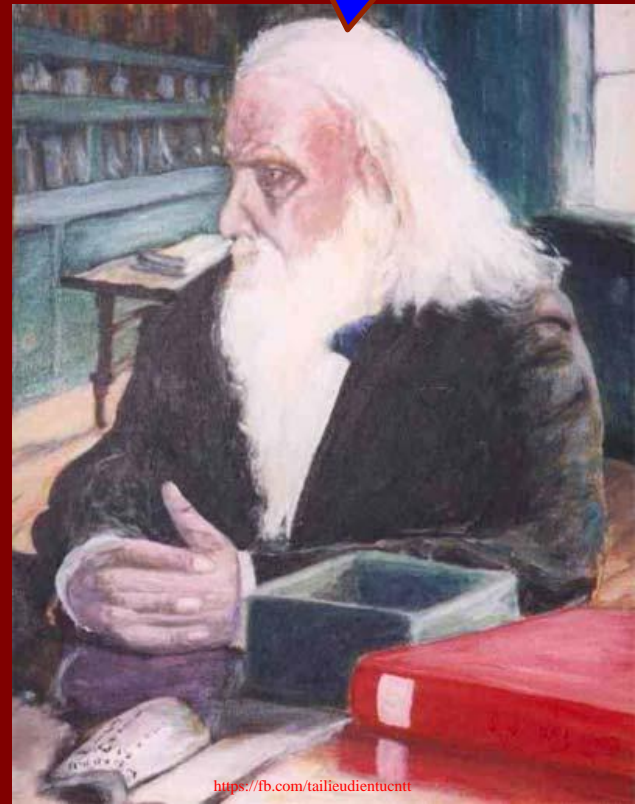
Quần chúng nhân dân là chủ thể chân chính sáng tạo ra lịch sử .

Chứng minh:

+ Thứ nhất, họ là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Để tồn tại, con người trước hết phải thoả mãn những nhu cầu vật chất khách quan bằng cách sản xuất ra của cải vật chất. Lực lượng thực hiện việc sản xuất trên chính là quần chúng nhân dân lao động bao gồm cả lao động chân tay và trí óc.

Ta có vai trò gì trong sự phát triển của xã hội?



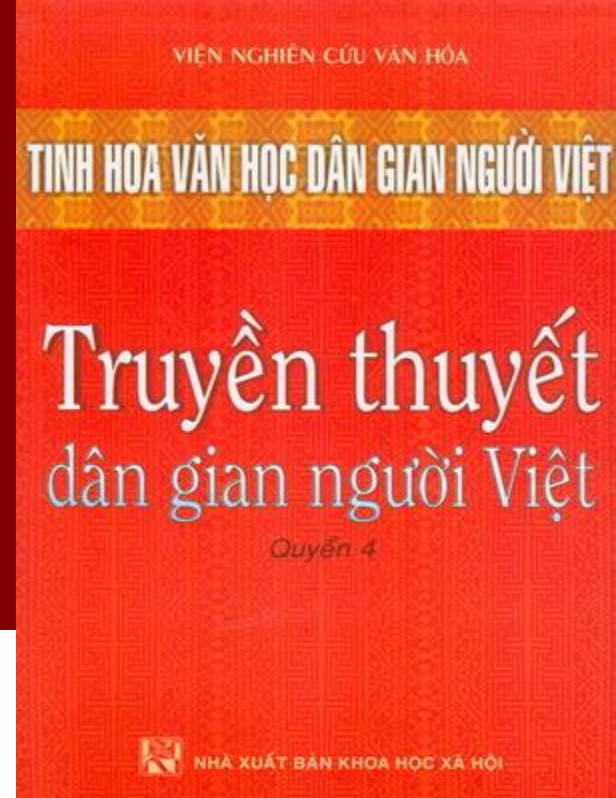
Ngày nay, những nhà khoa học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển sản xuất, nhưng hoạt động sản xuất của quần chúng nhân dân vẫn là điều kiện cơ bản để quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vì:

Vai trò của khoa học chỉ có thể phát huy thông qua thực tiễn sản xuất của quần chúng lao động, nhất là đội ngũ công nhân hiện đại và trí thức trong nền sản xuất xã hội, của thời đại kinh tế tri thức.

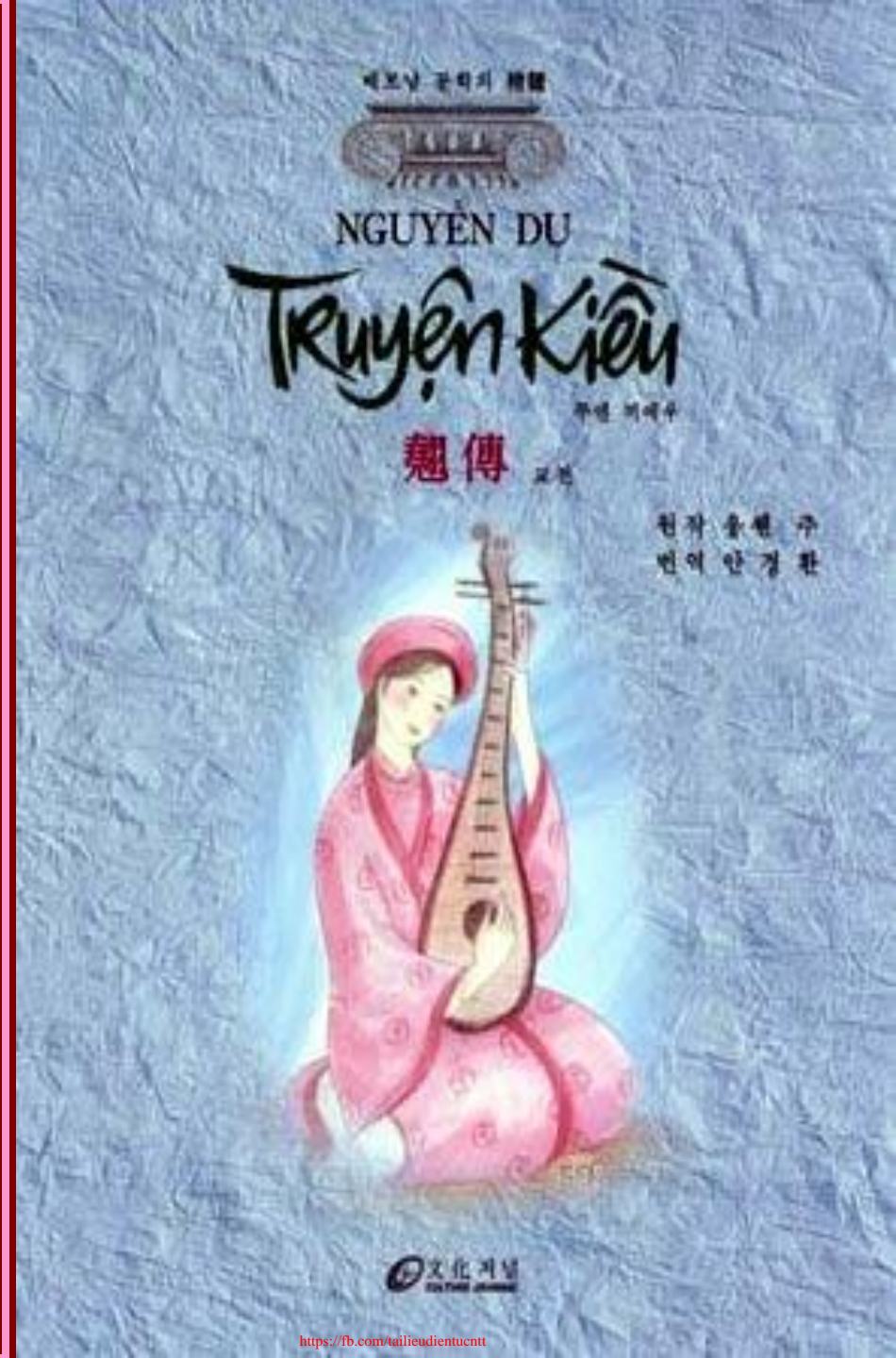


+ Thứ hai, họ là người sáng tạo ra những giá trị văn hoá tinh thần.

Những sáng tạo về văn học, nghệ thuật, khoa học, y học, kinh tế...của nhân dân vừa là cội nguồn, vừa là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của nền văn hoá tinh thần của các dân tộc trong mọi thời đại.



Chính đời sống của nhân dân cung cấp những chất liệu cho những nhà khoa học, văn học, nghệ thuật và hơn nữa những giá trị văn hoá tinh thần của họ chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đông đảo quần chúng nhân dân chấp nhận và truyền bá sâu rộng, trở thành giá trị phổ biến.



+ Thứ ba, họ là động lực cơ bản, đóng vai trò quyết định thắng lợi của mọi cuộc CMXH.

Trong các cuộc cách mạng làm chuyển biến các hình thái kinh tế - xã hội thì nhân dân lao động là lực lượng tham gia đông đảo. Hơn nữa, nguyên nhân sâu xa của các cuộc cách mạng xã hội lại xuất phát từ hoạt động sản xuất vật chất của quần chúng (LLSX phát triển, mâu thuẫn QHSX - đấu tranh giai cấp – cách mạng xã hội)

Vì vậy, nhân dân lao động là chủ thể của các quá trình kinh tế, chính trị, xã hội, đóng vai trò là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội.

**NGƯỜI TẠO RA
CỦA CẢI
VẬT CHẤT
CHO XÃ HỘI**

**ĐỘNG LỰC
CHÍNH
TRONG MỌI
CUỘC
CMXH**

**NGƯỜI TẠO RA
NHỮNG GIÁ TRỊ
VĂN HOÁ
TINH THẦN**

**QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN
LÀ CHỦ THỂ SÁNG TẠO CHÂN CHÍNH RA LỊCH SỬ**



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Khái niệm cá nhân (vĩ nhân, lãnh tụ).

Vĩ nhân là những cá nhân kiệt xuất trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, nghệ thuật...

Trong mỗi quan hệ với quần chúng nhân dân, **lãnh tụ** là những cá nhân kiệt xuất do phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân tạo nên.

Những phẩm chất cơ bản của lãnh tụ:

- + Có tri thức khoa học uyên bác, nắm bắt được xu thế vận động của dân tộc, quốc tế và thời đại.
- + Có năng lực tập hợp, thống nhất ý chí và hành động của quần chúng nhân dân.
- + Gắn bó với quần chúng, quên mình vì lợi ích của dân tộc, quốc tế và thời đại.

Bất cứ một thời kỳ nào, một dân tộc nào, nếu lịch sử đặt ra những nhiệm vụ cần giải quyết thì từ trong phong trào quần chúng nhân dân, tất yếu sẽ xuất hiện những lãnh tụ, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.

**CÓ NĂNG LỰC
THỐNG NHẤT
Ý CHÍ &
HÀNH ĐỘNG
CỦA QUẦN CHÚNG**

**CÓ TRI THỨC
UYÊN BÁC

NẮM ĐƯỢC
XU THẾ
CỦA DÂN TỘC,
THỜI ĐẠI**

**GẮN BÓ
VỚI NHÂN DÂN
VÌ NHÂN DÂN
PHỤC VỤ**

**LÃNH TỤ
XUẤT HIỆN
VỚI
PHẨM CHẤT:**

TỪ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA QUẦN CHÚNG

Quan hệ giữa quần chúng nhân dân với lãnh tụ. Thể hiện:

- + Tính thống nhất giữa nhân dân và lãnh tụ. Không có phong trào cách mạng sẽ không xuất hiện lãnh tụ.
- + Quần chúng nhân dân và lãnh tụ thống nhất trong tính mục đích và lợi ích của mình. Sự thống nhất này càng cao thì nhận thức và hành động cách mạng càng thống nhất.
- + Sự khác biệt giữa quần chúng nhân dân và lãnh tụ biểu hiện trong vai trò khác nhau của sự tác động đến lịch sử.

Vai trò của lãnh tụ.

Trong quan hệ với quần chúng, lãnh tụ có những nhiệm vụ sau:

- + Nắm bắt xu thế dân tộc, quốc tế và thời đại trên cơ sở hiểu biết những quy luật khách quan của các quá trình kinh tế, chính trị, xã hội.
- + Định hướng chiến lược và hoạch định chương trình hành động cách mạng.
- + Tổ chức lực lượng, giáo dục thuyết phục quần chúng, thống nhất ý chí và hành động của quần chúng nhằm hướng vào giải quyết những mục tiêu cách mạng đề ra.

Như vậy, lãnh tụ có vai trò to lớn đối với phong trào quần chúng. Tuy vậy, chúng ta không nên tuyệt đối hoá đến mức sùng bái cá nhân.

Tệ sùng bái cá nhân sẽ:

+ Hạn chế hoặc tước bỏ quyền làm chủ của nhân dân, làm cho nhân dân không phát huy được tính tích cực, sáng tạo của mình.

+ Người mắc bệnh sùng bái cá nhân thường đặt mình cao hơn tập thể, đứng ngoài đường lối chính sách của pháp luật của Đảng và Nhà nước.

HẾT

**HẾT PHẦN 1
HẸN GẶP LẠI CÁC BẠN
Ở PHẦN 2**





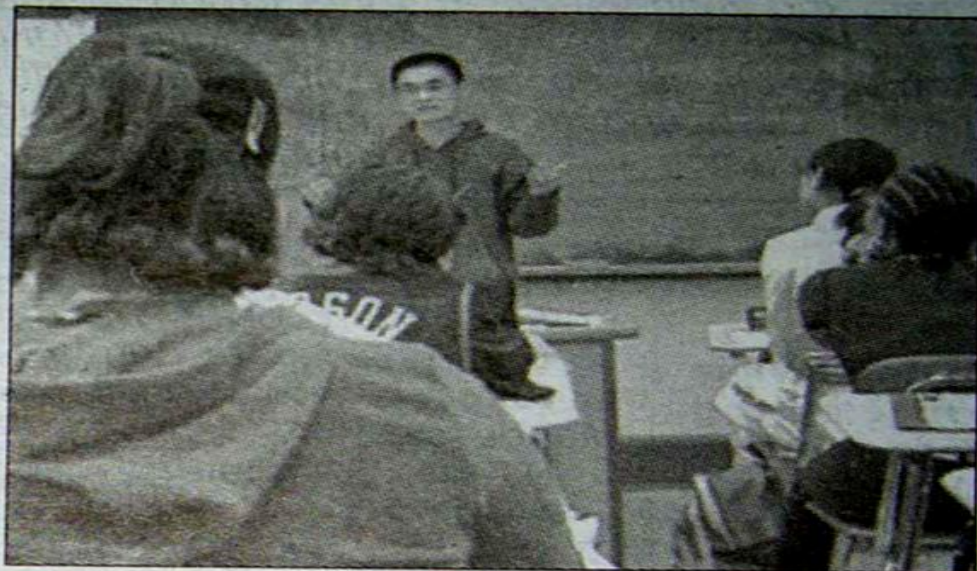
Học sinh Mỹ “ích kỷ” nhất

Về hình thức bên ngoài, học sinh châu Á lo

lắng đến quần áo, tóc tai của mình hơn những bạn bè cùng lứa ở Mỹ. Tỷ lệ ở các nước là: Hàn Quốc 83,2%, Trung Quốc 68,5%, Nhật 66%, trong khi Mỹ chỉ có 33,4%. Đó là kết quả khảo sát thú vị về cách sống và suy nghĩ thực hiện đối với 7.304 học sinh trung học (3.240 ở Trung Quốc, 1.342 ở Nhật, 1.714 ở Hàn Quốc và 1.008 ở Mỹ) của 156 trường.

Học sinh Mỹ có “chủ nghĩa cá nhân” cao nhất với 88,2% đồng ý “người ta phải lo cho lợi ích bản thân nhiều hơn lo cho người khác”. Tỷ lệ này ở Hàn Quốc là 69,6%, Trung Quốc 48,8% và Nhật 47,6%. Về mặt tự tin, tuổi thiếu niên của Mỹ cũng có nhiều nhất với tỷ lệ 85,2%, trong khi học sinh Trung Quốc có 30% người không thỏa mãn về mình. Tuy vậy, hầu hết đều bằng lòng với cuộc sống riêng: Mỹ 83,8%, Trung Quốc 82,7%, Nhật 77,4% và Hàn Quốc 73,3%.

Trong cuộc sống hiện đại, học sinh Nhật cảm thấy lạc lõng nhất. Tỷ lệ là: Nhật 52,4%, Trung Quốc 43,9%, Hàn Quốc 40,1%, Mỹ 24,5%. Thống kê cũng cho thấy có đến 73,7% học sinh Trung Quốc có đầu óc chính



Học sinh trung học Trung Quốc giao lưu với học sinh Trường trung học Dịch vụ công và luật ở New York

Ảnh: website của Bộ Ngoại giao Mỹ

trị, trong khi Nhật và Hàn bằng nhau với 45,9% và Mỹ 45,4%. Về chuyện đi làm bán thời gian để kiếm thêm tiền, học sinh Trung Quốc ít quan tâm nhất, chỉ có 45,8%, trong khi Nhật đứng đầu danh sách với 70,7%, Mỹ 63,3%, Hàn Quốc 52,2%.

Cuối cùng, học sinh ở đâu cũng thấy ngôi nhà của mình và nơi có bạn bè tụ họp là chỗ được yêu thích nhất để tìm kiếm hạnh phúc, trong khi kết quả đại học và việc phải chọn nghề nằm trong số những việc khiến họ lo âu và chán nản nhất.

TH.TÙNG (Theo THX)

Người Việt Nam lạc quan nhất thế giới

Người VN dẫn đầu thế giới về mức độ tin tưởng vào tương lai tươi sáng, theo kết quả khảo sát của Tổ chức Gallup International (GIA) tại 53 nước về mức độ lạc quan của người dân thế giới trong năm 2007. Theo đó, cứ 100 người VN được hỏi ý kiến thì có đến 94 nói họ tin cơ hội việc làm và kinh tế đất nước năm nay sẽ khá hơn năm trước.

Mức độ lạc quan đặc biệt cao ở những nước có triển vọng kinh tế tươi sáng và ít có nguy cơ thất nghiệp, theo GIA. Tại VN, gần một nửa (49%) những người trả lời khảo sát tin năm nay sẽ có ít người bị thất nghiệp hơn năm ngoái. Ở Hong Kong, con số đó là 59%, ở Singapore là 35%. Cả hai nơi này đều nằm trong danh sách những quốc gia, vùng lãnh thổ lạc quan nhất thế giới.

Trả lời phỏng vấn Tuổi Trẻ, TS Lê Đăng Doanh nói cơ sở của sự lạc quan ở VN là sự ổn định về chính trị, xã hội và sự cải thiện từng bước của nền kinh tế. Ông Chris Morley, giám đốc điều hành của Hãng nghiên cứu thị trường AC Nielsen Vietnam, nói: "Kết quả trên là có cơ sở vì lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN đã tăng đều trong vài năm gần đây".

Tuy nhiên, theo TS Doanh, thu nhập của người dân VN vẫn thấp hơn và cuộc sống vẫn khó khăn hơn so với những nước bị quan hơn VN. Ngoài ra, tỉ lệ lạc quan của VN có thể cao hơn bình thường vì GIA đã khảo sát vào tháng mười



Người dân VN lạc quan khi hòa nhập cộng đồng thế giới - Ảnh: N.C.T.

một và mười hai, giữa lúc người dân đang vui mừng VN vào WTO - ông Morley nói.

Theo TS Doanh, lòng tin của dân là một vốn quý mà nhiều nước khác không có được, là tài sản cần biến thành động lực mạnh mẽ, hành động thiết thực để thúc đẩy cải cách, thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế dân doanh. Ông nói: "Lãnh đạo các cấp phải đáp ứng các mong đợi lạc quan đó và không để người dân bị thất vọng vì không đạt được sự trông đợi".

Báo cáo của GIA cũng cho thấy người VN lạc quan nhiều hơn gấp đôi so với mức trung bình của thế giới. Trong gần 49.000 người trên toàn cầu được khảo sát, chỉ có 43% tin rằng năm 2007 sẽ tốt hơn năm

2006. Ngược lại, châu Âu và Trung Đông là khu vực mà người dân bi quan nhất về triển vọng kinh tế 2007. Hi Lạp bi quan nhất. Còn ở Iraq và Afghanistan, mức độ lạc quan của người dân đã giảm mạnh: từ 69% năm ngoái xuống 45% (Afghanistan) và từ 49% xuống 33% (Iraq).

MINH HUY

Lạc quan nhất: "năm 2007 sẽ tốt hơn năm 2006?"

1. Việt Nam: 94% người dân đồng ý
2. Hong Kong: 74%
3. Trung Quốc: 73%
4. Ghana 68%
5. Nigeria 66%...
11. Thái Lan: 53%
12. Singapore: 52%

Bi quan nhất: "năm 2007 sẽ xấu hơn năm 2006?"

1. Hi Lạp: 44%
2. Iraq: 43%...
6. Philippines: 34%
7. Indonesia: 33%
8. Ấn Độ: 32%

Vào tháng 10-2006, ACNielsen cũng có cuộc khảo sát tương tự GIA; kết quả cho thấy giới trẻ VN cũng lạc quan, nhưng nghiêng nhiều về triển vọng kinh tế đất nước hơn là triển vọng tài chính của bản thân (personal finance). "Điều này có nghĩa là giới trẻ VN vẫn đang mong một sự thay đổi cụ thể đối với tương lai họ"

- ông Morley nói với Tuổi Trẻ qua điện thoại.